

UBND XÃ VIỆT YÊN
TRƯỜNG THCS YÊN PHÚ

Số: 135/BC-THCSYP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Yên Phú, ngày 20 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, CÁC ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU - CHI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đến 20/10/2025

Trường THCS Yên Phú báo cáo công khai các nội dung theo yêu cầu của thông tư 09/2024/BGDĐT ngày 03/6/2025 như sau:

A. Báo cáo công khai thường niên

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Trường THCS Yên Phú, xã Việt Yên, Hưng Yên

2. Địa chỉ:

- Thôn Từ Hồ, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại:

- Hòm thư điện tử: c2yenphu@yenmy.edu.vn

- Website: <https://thcsyenphuyenmy.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển năng lực cá nhân. Làm cho mọi học sinh đều thấy rằng: “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”

Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng cao của xã, xứng tầm với quy mô phát triển của nhà trường; phấn đấu đến năm 2027 nhà trường giữ

vững Kiềm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 đảm bảo các tiêu chí về CSVN và đội ngũ giáo viên. Tạo môi trường tốt để giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên trong giảng dạy và học tập.

Giá trị cốt lõi

- + Có khát vọng vươn lên;
- + Sáng tạo, biết vượt khó trong học tập;
- + Có tính kiên trì và nhẫn nại;
- + Có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống;
- + Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng;
- + Khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

• Mục tiêu chung:

Nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ mới đáp ứng với việc đổi mới chương trình sách giáo khoa vào năm 2025.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo định hướng phát triển năng lực người học.

Huy động nguồn lực để phát triển nhà trường. Tham mưu với các cấp hoàn thiện, bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy, trang thiết bị dạy học.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương và đất nước.

• Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu ngắn hạn: Phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra trong năm học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện từng bước khẳng định chất lượng giảng dạy, học tập của nhà trường trên địa bàn của huyện... Tham mưu có hiệu quả với cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng hoàn thiện các tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy – học đảm bảo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 (Đã được UBND tỉnh Hưng Yên công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 vào tháng 12/2022). Tiếp tục duy trì đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Mục tiêu trung hạn: Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn; đến năm 2027 đạt cấp độ 3 theo chuẩn về các tiêu chí GD và CSVN về kiểm định chất lượng giáo dục, được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia. Đạt tập thể lao động xuất sắc được nhận Bằng khen hoặc Cờ thi đua Xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ vào năm 2027.

Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau

- + Chất lượng giáo dục được khẳng định trong топ những trường có chất lượng cao của huyện.
- + Có quy mô ổn định và phát triển, duy trì đạt cấp độ 3 trong kiểm định chất lượng giáo dục, được tái công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.

5. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường.

Trường THCS Yên Phú đóng tại địa bàn thôn Từ Hồ, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Trường được thành lập năm 1960, trải qua 65 năm xây dựng và phát triển nhà trường luôn được sự quan của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương và Phòng Văn hóa - xã hội, sự đồng hành của Hội cha mẹ học sinh, tinh thần đoàn kết biết vượt khó của tập thể cán bộ - giáo viên - nhân viên, trường THCS Yên Phú, nhà trường đã được UBND tỉnh Hưng Yên tặng cờ thi đua xuất sắc năm học 2015 – 2016; năm học 2019 – 2020, năm học 2020 – 2021, năm học 2023 – 2024. UBND tỉnh tặng Danh hiệu tập thể lao động Xuất sắc năm học 2017 – 2018, năm học 2021 - 2022; UBND tỉnh tặng Bằng khen năm học 2021 – 2022. Bộ trưởng Bộ giáo dục tặng Bằng khen năm học 2016 – 2017 và năm học 2021 – 2022. Trường được UBND tỉnh Hưng Yên công nhận đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 12/2022. Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả trong công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua. Trường THCS Yên Phú quyết tâm xây dựng nhà trường thành một trong các trường chất lượng cao của huyện Yên Mỹ và tỉnh Hưng Yên, góp phần quan trọng xây dựng ngành giáo dục Yên Mỹ, của tỉnh Hưng Yên phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn

- Hiệu trưởng: Lê Thị Thùy Giang – Sinh năm: 24/02/1979
- Trường THCS Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên
- Số điện thoại: 0961706803
- Thư điện tử: c2yenphu@yenmy.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

Trường THCS Yên Phú được thành lập năm 1960, sau hai (02) lần sáp nhập với trường Tiểu học Yên Phú, một (01) lần sáp nhập với trường THPT Triệu Quang Phục thì trường THCS Yên Phú được tách ra và lấy tên là trường THCS Yên Phú theo Quyết định số 156/KHTV ngày 12/12/1994 của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Hưng.

Ngày 15/08/2025, Ủy ban nhân dân xã Việt Yên, ra Quyết định về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Yên Phú thuộc Ủy ban nhân dân xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên số 587/QĐ-UBND.

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức và quản lý thực hiện theo đúng Điều lệ trường trung học và các quy định khác do BGDDĐT ban hành. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, các Hội đồng thi đua – khen thưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, ...

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 28/01/2022

Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 19/05/2025 của UBND huyện Yên Mỹ về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý: Bà Lê Thị Thùy Giang giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Yên Phú, thời gian bổ nhiệm 05 năm, kể từ ngày 01/06/2025.

Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Việt Yên về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THCS Yên Phú đối với Bà Lê Thị Thùy Giang, kể từ ngày 15/8/2025.

Quyết định số 6568/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Yên Mỹ về việc bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Lê Văn Hậu, nhiệm kỳ 05 năm, kể từ ngày 01/12/2024.

Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Việt Yên về việc bổ nhiệm Hiệu phó trường THCS Yên Phú đối với Ông Lê Văn Hậu, kể từ ngày 15/8/2025.

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS Yên Phú thực hiện theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo.

Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- + Chiến lược phát triển nhà trường:
- + Quy chế dân chủ:
- + Nghị quyết của Hội đồng trường:
- + Quy chế chi tiêu nội bộ
- + Quy chế thi đua khen thưởng;
- + Quy chế tiền thưởng: (tại Điều 4 **Nghị định 73/2024/NĐ-CP** có quy định về việc thực hiện chế độ tiền thưởng trên cơ sở thành tích công tác đột xuất và kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang)

YÊN
HUNG
YÊN
CƠ SỞ
PHÚ
★

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND huyện Yên Mỹ giao năm 2024

Nội dung	Tổng số	Thừa(+) Thiếu(-)	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
					Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	01	0		Kinh			01
Phó hiệu trưởng	01	-1		Kinh		01	
Giáo viên	28	-15		Kinh		27	01
Nhân viên	03	+1		Kinh		03	
Hợp đồng	0	-3		Kinh			
Tổng số	33					31	2

2. Số biên chế được UBND xã Việt Yên tạm giao năm 2025 theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 08/10/2025.

Nội dung	Tổng số	Thừa(+) Thiếu(-)	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
					Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	01	0		Kinh			01
Phó hiệu trưởng	01	0		Kinh		01	
Giáo viên	44	-3		Kinh		43	01
Nhân viên	03	0		Kinh		03	
Hợp đồng	3	0		Kinh		3	
Tổng số	52	-3				50	2

3. Thông tin về giáo viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng CDNN			Chuẩn NNGV			
			TS	Th.s	ĐH	CĐ	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số CB, GV, NV	33	0	02	32	01	1	11	21				
I	Giáo viên	28	0	01	27	0	0	11	17	5	13		
1	Toán	4	0	0	4	0			4	1	3		

2	Lý	1	0	0	1	0			1		2		
3	Hóa	1	0	0	1	0			1		2		
4	Sinh	2	0	0	2	0			1		2		
5	Tin	2	0	0	2	0			2		2		
6	Công nghệ	2	0	0	2	0			2		2		
7	GDTC	2	0	0	2	0		1	1		2		
8	Văn	5	0	1	5	0		2			2		
9	Sử	2	0	0	2	0		2	3	2	3		
10	Địa	1	0	0	1	0		2	0	1	2		
11	Tiếng anh	5	0	0	5	0			1		1		
12	GDGD	0	0	0	0	0		4	1	1	4		
13	Âm nhạc	1	0	0	1	0			0				
14	Mỹ thuật	0	0	0	0	0			1		1		
II	CBQL	02	0	01	01				0				
1	Hiệu trưởng	01		01			1		1	2			
2	Phó Hiệu trưởng	01			01		1			1			
III	Nhân viên	03	0	0	02	01			1	1			
	Kế toán	01			01				3				
	Văn thư	01			01				1				
	TV-TB	01				01			1				

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I.	Số điểm trường	0	
II.	Tổng diện tích đất	11.752m ²	9,5m ² /HS
III.	Tổng diện tích sân, bãi tập	3.500m ²	
IV.	Số phòng học	28	
V.	Loại phòng học	24	
1.	Phòng học kiên cố	18	
2.	Phòng học bán kiên cố	0	
3.	Phòng học tạm	6	
4.	Phòng học nhờ	0	
5.	Phòng học bộ môn	02	
6.	Phòng học đa năng (Có phương tiện nghe nhìn)	01	

VI.	Tổng diện tích các phòng		
1.	Diện tích phòng học (m ²)		
2.	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3.	Diện tích thư viện (m ²)	14	
4.	Diện tích nhà tập đa năng (m ²)	0	
5.	Diện tích phòng đoàn đội (m ²)	14	
6.	Diện tích phòng truyền thống	0	
7.	Diện tích phòng tổ chuyên môn	0	
8.	Diện tích phòng chờ giáo viên	0	
9.	Diện tích phòng y tế	0	
VII.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1.	Khối lớp 6	1	
1.2.	Khối lớp 7	1	
1.3.	Khối lớp 8	1	
1.4.	Khối lớp 9	1	
2.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định		
2.1.	Khối lớp 6		
2.2.	Khối lớp 7		
2.3.	Khối lớp 8		
2.4.	Khối lớp 9		
VIII.	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	
IX.	Tổng số thiết bị dùng chung khác	09	

1.	Ti vi		
2.	Cát xét	30	Cấp mới 28
3.	Đầu video/đầu đĩa	05	
4.	Máy chiếu OverHead/Projector/vật thể	0	
		02	
5.	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X.	Nhà bếp	
XI.	Nhà ăn	0
		0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích	Số chỗ	Diện tích bình quân
XII.	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII.	Khu nội trú	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XIV.	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XV.	Nguồn điện (lưới/phát điện riêng)	x	
XVI	Kết nối Internet	x	
XVII	Tường rào	x	

XVIII	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho học sinh		Số học sinh/bệt(tiểu)	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1.	Đạt chuẩn vệ sinh	02				
2.	Chưa đạt chuẩn vệ sinh			02		146,5

*Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường THCS Yên Phú

YÊN
JỜN
HỌC C
N PH
★

(Đ/c Hậu – PHT điền danh mục sách giáo khoa trường đang thực hiện theo CTGDPT 2018)

*** Danh mục và số đầu sách hiện có tại thư viện**

(Đ/c Ngân lập bảng thống kê từng loại sách hiện có tại thư viện theo từng loại)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong Kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Nếu nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT về Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường sẽ xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo từng tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục. Chính vì vậy, từ năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT về Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

1. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm mục đích giúp nhà trường chủ động xem xét thấy được điểm yếu, điểm mạnh của từng tiêu chí quy định trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện tiếp theo, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục ban hành, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để đủ điều kiện đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

2.1. Quy trình đánh giá

Ban lãnh đạo nhà trường đã phổ biến Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT về Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản liên quan khác đến cán bộ giáo viên, phụ huynh, học sinh toàn trường. Qua đó, cán bộ giáo viên, phụ huynh và học sinh nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc tự đánh giá. Từ sự thống nhất nhận thức đó,

lãnh đạo nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng trong toàn trường. Nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá theo quy trình gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Bước 2: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Bước 4: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

2.2. Phương pháp đánh giá: Đối chiếu các thông tin, minh chứng về các mặt hoạt động trong nhà trường với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, rút ra điểm mạnh, điểm yếu và biện pháp khắc phục.

2.3. Công cụ đánh giá: Hội đồng tự đánh giá đã sử dụng Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THCS theo Thông tư số 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT về Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGD&ĐT ngày 28/12/2018 của Bộ GD &ĐT về việc HD tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông làm công cụ đánh giá.

2.4. Những điểm nổi bật trong hoạt động TĐG.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, đối chiếu tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường rút ra những ưu điểm sau:

Trường đã có nề nếp, kỷ cương tốt, luôn là đơn vị dẫn đầu huyện về chất lượng dạy học cũng như các hoạt động giáo dục. Công tác chỉ đạo, quản lý làm việc khoa học, có hiệu quả. Phong trào thi đua trong giáo viên, học sinh diễn ra sôi nổi. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi luôn được quan tâm và đạt kết quả cao. Chất lượng toàn diện đảm bảo tốt, tỷ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT luôn đứng trong tốp đầu của huyện. Nhà trường có đội ngũ giáo viên vững vàng, tâm huyết, nhiều đồng chí là giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Số lượng giáo viên đạt trên chuẩn cao, chất lượng đồng đều, đảm bảo được yêu cầu của giáo dục trong thời kỳ mới. Hệ thống hồ sơ, sổ sách, tài liệu của nhà trường được lưu trữ tương đối đầy đủ. Hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra với chất lượng cao. Nhà trường đã liên tục nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

Tuy nhiên nhà trường cũng phải cố gắng nhiều hơn nữa trong việc đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng dạy học để kết quả ngày càng tốt hơn. Trên cơ sở hiểu rõ như vậy, nhà trường đề ra các biện pháp cụ thể để khắc phục hạn chế, đổi mới phương pháp giảng dạy, phấn đấu tiếp tục giữ vững danh hiệu tập thể lao động xuất

sắc, giữ vững những thành tích nhà trường đã đạt được, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục, góp phần thực hiện công cuộc xây dựng phát triển đất nước.

*** Tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài tháng 11/2022:**

- Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x			x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x			x	x	
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x		x	x	x
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x		x	x	x

Tiêu chí 3.4		x	x			x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x		x	x	x
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x			x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x			x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 3.

- Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả đánh giá ngoài		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Điều 22					
Tiêu chí 1		x		x	
Tiêu chí 2	x			x	
Tiêu chí 3	x		x		
Tiêu chí 4	x			x	
Tiêu chí 5	x			x	
Tiêu chí 6	x		x		

Kết quả: Không đạt Mức 4.

Kết luận: Trường đạt Mức 3.

Quyết định số 3082/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc công nhận trường THCS Yên Phú đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

*** Tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài tháng 10/2025:**

- Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1		X	X	X				
Tiêu chí 1.2		X	X					
Tiêu chí 1.3		X	X	X				
Tiêu chí 1.4		X	X	X				
Tiêu chí 1.5		X	X	X				
Tiêu chí 1.6		X	X	X				
Tiêu chí 1.7		X	X					
Tiêu chí 1.8		X	X					
Tiêu chí 1.9		X	X					
Tiêu chí 1.10		X	X					
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1		X	X	X				
Tiêu chí 2.2		X	X					
Tiêu chí 2.3		X	X	X				
Tiêu chí 2.4		X	X	X				
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1		X	X	X				
Tiêu chí 3.2		X	X					
Tiêu chí 3.3		X	X	X				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		x	x					
Tiêu chí 3.5		x	x					
Tiêu chí 3.6		x	x	x				
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1		x	x	x				
Tiêu chí 4.2		x	x	x				
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1		x	x	x				
Tiêu chí 5.2		x	x	x				
Tiêu chí 5.3		x	x					
Tiêu chí 5.4		x	x					
Tiêu chí 5.5		x	x	x				
Tiêu chí 5.6		x	x	x				

Kết quả: Đạt mức 3.

- Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả đánh giá ngoài		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Điều 22					
Tiêu chí 1		x		x	
Tiêu chí 2	x			x	
Tiêu chí 3	x		x		
Tiêu chí 4	x			x	
Tiêu chí 5	x			x	

Tiêu chí 6	x		x		
------------	---	--	---	--	--

Kết quả: Không đạt Mức 4.

Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Tuy nhiên từ 12/2022 đến tháng 6/2025 UBND xã Yên Phú chưa tổ chức xây dựng CSVC cho trường THCS Yên Phú như phòng học, phòng bộ môn, nhà tập đa năng, nhà tập mái che, ... nhằm đáp ứng các tiêu chí của đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2. Đây là khó khăn rất lớn cho việc tổ chức dạy và học theo chương trình GDPT tổng thể 2018.

Tại thời điểm tháng 10/2025 nhà vệ sinh cũ của học sinh đang được sửa chữa và đã được cấp trên phê duyệt, cấp ngân sách xây mới nhà vệ sinh giáp khu nhà 3 tầng cho học sinh.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả học tập, kết quả rèn luyện năm học 2024 – 2025

* Khối 6, 7, 8 học theo CTGDPT tổng thể 2018

STT	Khối	SL	KQ rèn luyện				KQ học tập			
			Tốt	Khá	Đạt	CĐ	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
1	6	311	254 81,7%	43 13,8%	13 4,2%	1 0,3%	70 22,5%	118 37,9%	107 34,4%	16 5,2%
2	7	331	264 79,8%	56 16,9%	11 3,3%		90 27,2%	105 31,7%	124 37,5%	12 3,6%
3	8	287	242 84,3%	41 14,3%	4 1,4%		79 27,5%	100 34,8%	97 33,8%	11 3,9%
4	9	239	205 85,8%	25 10,5%	9 3,7%		70 29,3%	96 40,2%	73 30,5%	
	Tổng	1168	965 82,6%	165 14,1%	37 3,2%	1 0,1%	309 26,5%	419 35,9%	401 34,3%	39 3,3%

2. Tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Số học sinh lên lớp thẳng và được công nhận TNTHCS là: $1.135/1168\text{HS} = 96,17\%$

- Số học sinh thi lại, lưu ban là: 33 HS = 2,83%

3. Tỷ lệ công nhận TN THCS năm học 2024 – 2025: Đạt 100%

Tổng số học sinh được công nhận TN THCS năm 2025 là: 239/239 = 100% (Có phụ lục 1 đính kèm)

4. Kết quả tuyển sinh lớp lớp 6 năm học 2025 – 2026

- Tổng số học sinh được tuyển mới là: 309 HS (Có phụ lục 2 đính kèm)

5. Kết quả thi vào lớp 10 – THPT năm học 2024 – 2025

- Tổng số học sinh thi đỗ vào lớp 10 – THPT công lập là: 179 HS (Có phụ lục 3 đính kèm)

6. Biên chế học sinh các lớp năm học 2024 – 2025

STT	Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Đối tượng chính sách	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1		TỔNG SỐ	1,168	552	47.3	6	0.5	5	0.4	4	0.3	18	TL
2	06	Tổng khối 06	311	145	46.6	2	0.6	1	0.3	3	1.0	3	1.5
3	06	6A1	49	29	59.2								1.0
4	06	6A2	47	28	59.6								
5	06	6A3	44	16	36.4								
6	06	6A4	42	15	35.7	1	2.4	1	2.4	1	2.4	1	2.3
7	06	6A5	44	20	45.5	1	2.3			1	2.3	2	
8	06	6A6	43	18	41.9								4.5
9	06	6A7	42	19	45.2								
10	07	Tổng khối 07	331	158	47.7	1	0.3	1	0.3	1	2.4		
11	07	7A3	46	23	50.0							3	0.9
12	07	7A1	51	20	39.2							1	2.2

TRU

7. Biên chế học sinh các lớp năm học 2025-2026

STT	Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Đối tượng chính sách	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1		TỔNG SỐ	1,232	577	46.8	4	0.3	2	0.2	5	0.4		
2	06	Tổng khối 06	309	139	45.0	1	0.3			1	0.3		
3	06	6A1	50	29	58.0					1	2.0		
4	06	6A2	47	25	53.2								
5	06	6A3	46	20	43.5	1	2.2						
6	06	6A4	41	17	41.5								
7	06	6A5	43	16	37.2								
8	06	6A6	40	15	37.5								
9	06	6A7	42	17	40.5								
10	07	Tổng khối 07	307	145	47.2	2	0.7	1	0.3	3	1.0		
11	07	7A3	43	19	44.2								
12	07	7A1	46	29	63.0								
13	07	7A2	43	25	58.1								
14	07	7A4	42	14	33.3	1	2.4	1	2.4	1	2.4		
15	07	7A5	44	20	45.5	1	2.3			1	2.3		
16	07	7A6	44	19	43.2								
17	07	7A7	45	19	42.2								
18	08	Tổng khối 08	331	156	47.1	1	0.3	1	0.3	1	2.2		
19	08	8A1	42	18	42.9								

STT	Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Đối tượng chính sách	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
20	08	8A2	46	28	60.9								
21	08	8A3	43	21	48.8								
22	08	8A4	41	19	46.3								
23	08	8A5	42	19	45.2								
24	08	8A6	40	17	42.5								
25	08	8A7	41	22	53.7	1	2.4	1	2.4				
26	08	8A8	36	12	33.3								
27	09	Tổng khối 09	285	137	48.1								
28	09	9A1	41	24	58.5					1	0.4		
29	09	9A2	41	14	34.1								
30	09	9A3	42	21	50.0								
31	09	9A4	42	19	45.2								
32	09	9A5	42	18	42.9								
33	09	9A6	36	19	52.8								
34	09	9A7	41	22	53.7					1	2.4		

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

THÔNG BÁO

Công khai quyết toán các khoản đóng góp từ học sinh;
số tiền được ngân sách nhà nước hỗ trợ, số tiền nộp ngân sách nhà nước
và số tiền được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng, ủng hộ, năm học 2024-2025

1. Các khoản tiền đóng góp từ học sinh

ĐVT: 1.000đ

STT	Danh mục quyết toán	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi	Tổng kinh phí đã chi	Tổng kinh phí còn lại
1	Tiền học phí	457.380			343.289	114.091
2	Tiền điện					
3	Tiền nước uống	84.240			84.240	0
4	Tiền trông xe	77.070			77.070	0
6	Tiền học thêm	995.328			995.328	0
7	Tiền học Tiếng Anh bổ trợ					
8	Tiền trải nghiệm					
9	Tiền bảo hiểm Y tế	567.609	567.609	0	0	0
10	Tiền bảo hiểm thân thể	242.300	242.300	0	0	0
11	Tiền Đoàn, Đội	11.680	11.680	0	0	0
12	Tiền mua sách giáo khoa					
13	Tiền các khoản thu khác (UH tắm)	23.200	23.200	0	0	0

2. Số tiền được ngân sách nhà nước cấp; được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng, ủng hộ năm 2024:

TT	Danh mục	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí sử dụng	Tổng kinh phí còn lại	Ghi chú
1	Số tiền được ngân sách nhà nước cấp	8.712.397	8.712.397	0	
2	Số tiền được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng, ủng hộ	0	0	0	0

THÔNG BÁO

**Công khai quyết toán các khoản đóng góp từ học sinh;
số tiền được ngân sách nhà nước hỗ trợ, số tiền nộp ngân sách nhà nước
và số tiền được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng, ủng hộ, năm học 2025-2026**

1. Các khoản tiền đóng góp từ học sinh

ĐVT: 1000VNĐ

STT	Danh mục quyết toán	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi	Tổng kinh phí đã chi	Tổng kinh phí còn lại
1	Tiền học phí					
2	Tiền điện					
3	Tiền nước uống					
4	Tiền trông xe					
6	Tiền học thêm					
7	Tiền học Tiếng Anh bổ trợ	555.000	555.000	0	0	0
8	Tiền trải nghiệm					
9	Tiền bảo hiểm Y tế					
10	Tiền bảo hiểm thân thể	240.200	240.200	0	0	0
11	Tiền Đoàn, Đội					
12	Tiền mua sách giáo khoa	292.563	292.563			
13	Tiền các khoản thu khác					

2. Số tiền được ngân sách nhà nước cấp; được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng, ủng hộ năm 2025:

ĐVT: 1000VNĐ

TT	Danh mục	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí sử dụng	Tổng kinh phí còn lại	Ghi chú
1	Số tiền được ngân sách nhà nước cấp	12.447.000	6.386.000	6.061.000	
2	Số tiền được viện trợ, tài trợ, biếu, tặng, ủng hộ				



VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
HỌC SINH			
Tổng số học sinh	1092 HS	1172 HS	1232 HS
Kết quả lên lớp	1090	1169	1229
Kết quả tốt nghiệp	233HS = 100%	239HS = 100%	
Học sinh xuất sắc	24HS	31HS	
Học sinh giỏi cấp trường	287HS	303HS	
Học sinh giỏi cấp huyện	69HS	73HS	
Học sinh giỏi cấp tỉnh	05	08HS	
NCKH cấp huyện	Giải Nhì	Giải nhì	
NCKH cấp tỉnh	Giải Nhất	Giải KK	
Diễn kinh cấp huyện	05HCV; 04HCB; 01HCD	04HCV; 06HCB;	
Diễn kinh cấp tỉnh, Cờ vua	01 HCV; 02 HCB	02 HCV	
CB-GV-NV			49
Số lượng GV đạt chuẩn đào tạo,	31GV = 100%	31GV = 100%	47
Số lượng GV trên chuẩn đào tạo	02GV = 5,9%	02GV = 5,9%	2
Đề tài nghiên cứu khoa học, SKKN	07	07	
Giáo viên giỏi cấp Trường	28	28	
Giáo viên giỏi cấp huyện	02	01	
Cá nhân hoàn thành nhiệm vụ	33	33	
Cá nhân đạt LĐT	24	26	
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	04	04	04

YÊN
ÔNG
CƠ
PHÚ
★

B. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

Tổ chức công khai tại phòng họp bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của nhà trường. Nhờ vậy phụ huynh học sinh và cán bộ, viên chức và học sinh của nhà trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo

dục của nhà trường. Phụ huynh học sinh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tốt, tạo thương hiệu cho nhà trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 6/2025, 12/2025

Dự toán tài chính năm 2025 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách năm 2025 của UBND xã Việt Yên.

Đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Thời điểm công bố là tháng 6, tháng 12 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9/2025) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 5 năm liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh nắm bắt các nội dung quan tâm.

Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến, hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo theo từng thôn, qua hệ thống loa truyền thanh của xã trước khi thực hiện tuyển sinh.

Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH;
- UBND xã Việt Yên;
- CB-GV-NV; HS -PHHS
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thùy Giang

TRƯỜNG
SỞ
YÊN